

Số: /TTr-UBND

Vĩnh Hưng, ngày tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An

Kính gửi:

- Thường trực HĐND huyện Vĩnh Hưng;
- Đại biểu HĐND huyện Vĩnh Hưng.

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thiết kế đô thị và Thông tư 16/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2013/TT-BXD.

Căn cứ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng, ban hành theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1003/QĐ-TTg ngày 19/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4192/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND tỉnh Long An về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 06/03/2024 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An;

Nay UBND huyện Vĩnh Hưng kính trình HĐND huyện Vĩnh Hưng ban hành Nghị quyết phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An với nội dung như sau:

II. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị và khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020, UBND các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Căn cứ tại điểm c khoản 2 Điều 26 Luật Chính quyền địa phương về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân huyện trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường quy định “*Quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện trong phạm vi được phân quyền*”.

Như vậy việc trình HĐND huyện Vĩnh Hưng thông qua và ban hành Nghị quyết đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An là phù hợp với quy định pháp luật.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỒ ÁN QUY HOẠCH

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

2. Phạm vi nghiên cứu, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

- **Phạm vi nghiên cứu, ranh giới quy hoạch:** Khu vực lập quy hoạch chung bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Vĩnh Hưng diện tích 534,57 ha và phần mở rộng (1 phần các xã: Vĩnh Thuận, Vĩnh Trị, Thái Trị và Thái Bình Trung) diện tích 1.457,58 ha, được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc: giáp kênh Thái Bình Trung, xã Thái Trị và Thái Bình Trung.

+ Phía Nam: giáp xã Vĩnh Trị.

+ Phía Đông: giáp xã Vĩnh Bình.

+ Phía Tây: giáp kênh Lò Gạch, xã Vĩnh Thuận.

- **Quy mô lập quy hoạch:** Diện tích quy hoạch khoảng 1.992,15 ha.

3. Thời hạn lập quy hoạch: Thời hạn quy hoạch 15 năm (đến năm 2035).

4. Lý do điều chỉnh quy hoạch chung:

Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Hưng với mục tiêu đưa thị trấn Vĩnh Hưng đạt một số tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025 và đạt đô thị loại IV đến trước năm 2030 theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 686/QĐ-TTg ngày 13/6/2023.

Để huyện Vĩnh Hưng xây dựng lộ trình phát triển đô thị, là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý xây dựng trong khu vực lập quy hoạch, đảm bảo theo pháp luật hiện hành và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

5. Tính chất:

- Là đô thị trung tâm huyện và đây cũng chính là thị trấn của huyện Vĩnh Hưng, có chức năng là trung tâm kinh tế, chính trị của huyện Vĩnh Hưng. Định hướng thị trấn Vĩnh Hưng đạt chuẩn đô thị loại IV, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh.

- Là trung tâm văn hóa, giáo dục, y tế, thương mại dịch vụ của vùng huyện, mang nét đặc trưng của một đô thị sông nước. Phát triển thị trấn Vĩnh Hưng theo mô hình xanh, thông minh và bền vững; có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại; có môi trường và chất lượng sống đô thị tốt; có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; có nền kiến trúc đô thị tiên tiến, giàu bản sắc.

- Thị trấn Vĩnh Hưng có vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm tổng hợp của huyện Vĩnh Hưng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp huyện, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Hưng.

6. Mục tiêu:

- Cụ thể hoá Quy hoạch tỉnh Long An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Long An đến năm 2030. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Hưng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cụ thể hoá các định hướng phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị của tỉnh Long An, của huyện Vĩnh Hưng và thị trấn Vĩnh Hưng thông qua đồ án quy hoạch.

- Đề ra các chỉ tiêu cụ thể, nhằm xây dựng thị trấn Vĩnh Hưng hoàn chỉnh các tiêu chí của đô thị loại IV đến năm 2025 và sau năm 2025.

- Quy hoạch sử dụng đất, xây dựng hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển đô thị kết hợp đề xuất giải pháp cải tạo chỉnh trang các khu vực xây dựng hiện hữu.

- Điều chỉnh các bất cập của đồ án quy hoạch chung đã phê duyệt năm 2008.
- Làm cơ sở để mời gọi đầu tư, giới thiệu địa điểm, lập quy hoạch chi tiết và lập các dự án đầu tư xây dựng
- Phục vụ công tác quản lý nhà nước, quản lý xây dựng đô thị theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

7. Các chỉ tiêu chính phát triển đô thị:

7.1. Chỉ tiêu các công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị:

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A. Giáo dục				
1. Trường trung học phổ thông	học sinh /1.000 người	40	m ² /1 học sinh	10
B. Y tế				
2. Bệnh viện đa khoa	giường/1.000 người	4	m ² /giường bệnh	100
C. Văn hóa - Thể dục thể thao				
3. Sân thể thao cơ bản			m ² /người	0,6
			ha/công trình	1,0
4. Sân vận động			m ² /người	0,8
			ha/công trình	2,5
5. Trung tâm Văn hóa - Thể thao			m ² /người	0,8
			ha/công trình	3,0
6. Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	chỗ/ 1 000 người	8	ha/công trình	0,5
7. Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	chỗ/ 1 000 người	2	ha/công trình	1,0
D. Thương mại				
8. Chợ	công trình	1	ha/công trình	1,0

7.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Giao thông:		
	- Mật độ đường (tính đến đường cấp khu vực)	km/km ²	8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất xây dựng đô thị (tính đến đường khu vực)	%	13
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất xây dựng đô thị (tính đến đường phân khu vực)	%	18
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	9

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng - Chỉ tiêu bãi đỗ xe	% m ² /ng	5 2,5
2	Cấp nước:		
	- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị - Tỷ lệ cấp nước sạch	l/người/ngày %	120 95
3	Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và môi trường		
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng - Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh - Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	% cấp nước (kg/người- ngày) %	80% 0,9 80
4	Cấp điện		
	Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	KWh/ng/năm	1.000

7.3. Chỉ tiêu các công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở:

Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A. Giáo dục				
1. Trường mầm non	cháu/1 000 người	50	m ² /1 cháu	12
2. Trường tiểu học	học sinh /1 000 người	65	m ² /1 học sinh	10
3. Trường trung học cơ sở	học sinh /1 000 người	55	m ² /1 học sinh	10
B. Y tế				
4. Trạm y tế	trạm	1	m ² /trạm	500
C. Văn hóa - Thể dục thể thao				
5. Sân chơi			m ² /người	0,5
6. Sân luyện tập			m ² /người	0,5
			ha/công trình	0,3
7. Trung tâm Văn hóa - Thể thao	công trình	1	m ² /công trình	5.000
D. Thương mại				
8. Chợ	công trình	1	m ² /công trình	2.000

8. Dự báo về quy mô về dân số:

Đến năm 2035: Quy mô dân số khoảng 20.000 người.

Sau năm 2035: Quy mô dân số khoảng 28.000 người.

9. Dự báo quy mô về đất đai:

Đến năm 2035: Đất xây dựng đô thị là 548,79 ha. Trong đó: đất dân dụng 160,01 ha.

* Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2035

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỈ LỆ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	548,79	27,55
1	ĐẤT DÂN DỤNG	160,01	8,03
1.1	Đất nhóm nhà ở	104,61	5,25
	<i>Đất ở hiện hữu</i>	84,33	4,23
	<i>Đất ở xây dựng mới đến năm 2035</i>	20,28	1,02
1.2	Đất giáo dục (đơn vị ở)	8,73	0,44
	<i>Đất Trường THCS</i>	4,14	0,21
	<i>Đất Trường tiểu học</i>	2,45	0,12
	<i>Đất Trường mầm non</i>	2,15	0,11
1.2	Đất giáo dục (đô thị)	1,97	0,10
	<i>Đất Trường THPT</i>	1,97	0,10
1.3	Đất dịch vụ- công cộng khác cấp thị trấn	11,81	0,59
	<i>Đất y tế (trạm y tế)</i>	0,59	0,03
	<i>Sân chơi</i>	1,89	0,09
	<i>Sân luyện tập</i>	1,87	0,09
	<i>Trung tâm văn hóa- TDTT</i>	2,49	0,13
	<i>Đất quảng trường</i>	2,93	0,15
	<i>Đất Chợ</i>	2,04	0,10
1.4	Đất Cơ quan, trụ sở cấp thị trấn	0,74	0,04
1.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng thị trấn	28,15	1,41
	<i>Đất cây xanh sử dụng công cộng đơn vị ở</i>	5,75	0,29
	<i>Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị</i>	22,40	1,12
1.6	Đất hạ tầng kỹ thuật	3,64	0,18
1.7	Đất giao thông đơn vị ở	0,35	0,02
2	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	388,78	19,52
2.1	Đất cơ quan, trụ sở cấp tỉnh, huyện	6,05	0,30
2.2	Đất trung tâm y tế cấp tỉnh, cấp huyện	3,26	0,16
2.3	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp	13,41	0,67
2.4	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp huyện	8,33	0,42
	<i>Sân thể thao cơ bản</i>	1,03	0,05
	<i>Sân vận động</i>	2,54	0,13
	<i>Trung tâm văn hóa- TDTT</i>	3,32	0,17

	<i>Nhà thiếu nhi (hoặc cung thiếu nhi)</i>	0,89	0,04
	<i>Nhà văn hóa (hoặc cung văn hóa)</i>	0,55	0,03
2.5	Đất tôn giáo	0,85	0,04
2.6	Đất Quốc phòng, An ninh	12,95	0,65
	<i>Đất Quốc phòng</i>	<i>8,14</i>	<i>0,41</i>
	<i>Đất An ninh</i>	<i>4,81</i>	<i>0,24</i>
2.7	Đất bến xe, bãi đậu xe	7,04	0,35
2.8	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng	47,35	2,38
2.9	Đất cây xanh cách ly	18,69	0,94
2.10	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	8,24	0,41
2.11	Đất hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh, huyện	30,83	1,55
2.12	Đất giao thông đô thị	231,78	11,63
B	ĐẤT KHÁC	1.443,36	72,45
1	Đất sông rạch, mặt nước	72,98	3,66
2	Đất sản xuất nông nghiệp	542,76	27,24
3	Đất chưa sử dụng	827,62	41,54
	TỔNG	1.992,15	100,00

** Quy hoạch sử dụng đất đến sau 2035*

Sau năm 2035: Đất xây dựng đô thị 611,63 ha. Trong đó: Đất dân dụng 222,85 ha.

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỈ LỆ (%)
A	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	611,63	30,70
1	ĐẤT DÂN DỤNG	222,85	11,19
1.1	Đất nhóm nhà ở	167,45	8,41
	<i>Đất ở hiện hữu</i>	<i>84,33</i>	<i>4,23</i>
	<i>Đất ở xây dựng mới đến năm 2035</i>	<i>20,28</i>	<i>1,02</i>
	<i>Đất ở xây dựng mới đến năm 2050</i>	<i>62,85</i>	<i>3,15</i>
1.2	Đất giáo dục (đơn vị ở)	8,73	0,44
	<i>Đất Trường THCS</i>	<i>4,14</i>	<i>0,21</i>
	<i>Đất Trường tiểu học</i>	<i>2,45</i>	<i>0,12</i>
	<i>Đất Trường mầm non</i>	<i>2,15</i>	<i>0,11</i>
1.3	Đất giáo dục (đô thị)	1,97	0,10
	<i>Đất Trường THPT</i>	<i>1,97</i>	<i>0,10</i>
1.4	Đất dịch vụ- công cộng khác cấp thị trấn	11,81	0,59
	<i>Đất y tế (trạm y tế)</i>	<i>0,59</i>	<i>0,03</i>
	<i>Sân chơi</i>	<i>1,89</i>	<i>0,09</i>
	<i>Sân luyện tập</i>	<i>1,87</i>	<i>0,09</i>
	<i>Trung tâm văn hóa- TDTT</i>	<i>2,49</i>	<i>0,13</i>

	<i>Đất quảng trường</i>	<i>2,93</i>	<i>0,15</i>
	<i>Đất Chợ</i>	<i>2,04</i>	<i>0,10</i>
1.5	Đất Cơ quan, trụ sở cấp thị trấn	0,74	0,04
1.6	Đất cây xanh sử dụng công cộng thị trấn	28,15	1,41
	<i>Đất cây xanh sử dụng công cộng đơn vị ở</i>	<i>5,75</i>	<i>0,29</i>
	<i>Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị</i>	<i>22,40</i>	<i>1,12</i>
1.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	3,64	0,18
1.8	Đất giao thông đơn vị ở	0,35	0,02
2	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	388,78	19,52
2.1	Đất cơ quan, trụ sở cấp tỉnh, huyện	6,05	0,30
2.2	Đất trung tâm y tế cấp tỉnh, cấp huyện	3,26	0,16
2.3	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp	13,41	0,67
2.4	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp huyện	8,33	0,42
	<i>Sân thể thao cơ bản</i>	<i>1,03</i>	<i>0,05</i>
	<i>Sân vận động</i>	<i>2,54</i>	<i>0,13</i>
	<i>Trung tâm văn hóa- TDTT</i>	<i>3,32</i>	<i>0,17</i>
	<i>Nhà thiếu nhi (hoặc cung thiếu nhi)</i>	<i>0,89</i>	<i>0,04</i>
	<i>Nhà văn hóa (hoặc cung văn hóa)</i>	<i>0,55</i>	<i>0,03</i>
2.5	Đất tôn giáo	0,85	0,04
2.6	Đất Quốc phòng, An ninh	12,95	0,65
	<i>Đất Quốc phòng</i>	<i>8,14</i>	<i>0,41</i>
	<i>Đất An ninh</i>	<i>4,81</i>	<i>0,24</i>
2.7	Đất bến xe, bãi đậu xe	7,04	0,35
2.8	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng	47,35	2,38
2.9	Đất cây xanh cách ly	18,69	0,94
2.10	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	8,24	0,41
2.11	Đất hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh, huyện	30,83	1,55
2.12	Đất giao thông đô thị	231,78	11,63
B	ĐẤT KHÁC	1.380,52	69,30
1	Đất sông rạch, mặt nước	72,98	3,66
2	Đất sản xuất nông nghiệp	542,76	27,24
3	Đất chưa sử dụng	764,78	38,39
	TỔNG	1.992,15	100,00

10. Định hướng phát triển không gian đô thị:

Định hướng phát triển đô thị trên cơ sở các khu dân cư, công trình công cộng hiện hữu và tiềm năng phát triển của khu vực với các yếu tố chính định hình không gian như sau:

- Nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất cho đô thị trong tương lai, lựa chọn hướng phát triển được xác định chủ yếu về phía Đông và Tây.

- Tuân theo nguyên tắc hình thành và phát triển đô thị phù hợp với địa hình tự nhiên của thị trấn Vĩnh Hưng; tăng cường và hoàn thiện các liên kết với các trục giao thông chính của đô thị tại khu trung tâm thị trấn gồm quốc lộ N1, tỉnh lộ 831; tỉnh lộ 831B. Lây trục không gian chính đô thị thị trấn Vĩnh Hưng là hành lang, mặt nước kênh 28.

- Nâng cấp các khu chức năng hiện có, bổ sung các công trình mới gắn kết và hoàn thiện các khu chức năng phục vụ cho đô thị theo tiêu chuẩn đô thị loại IV. Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa khu trung tâm hành chính với các khu chức năng của đô thị và vùng lân cận; tạo điều kiện cho đô thị phát triển mạnh mẽ, đồng bộ, đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại IV.

- Định hướng thị trấn Vĩnh Hưng sẽ phát triển ở lõi trung tâm hiện hữu và định hướng mở rộng dọc theo trục không gian chính là kênh 28.

- Phát triển khu dân cư mới gắn kết với các khu dân cư hiện trạng và các khu chức năng của đô thị, với nhiều loại nhà ở đáp ứng các nhu cầu phát triển dân số.

11. Định hướng hệ thống hạ tầng xã hội:

a) Khu trung tâm hành chính, chính trị:

- Về vị trí: Trụ sở cơ quan hành chính, chính trị cấp huyện tập trung chủ yếu tại các trục chính gồm: đường Ba Mươi Tháng Tư;, đường Võ Duy Dương, đường Cách Mạng Tháng Tám và đường Tháp Mười.

- Tổ chức không gian: Bố cục tổng thể dạng hợp khối, hình khối; công trình chủ yếu là dạng hình học đơn giản, tạo vẻ trang trọng, tiện nghi cho hoạt động hành chính.

- Việc sắp xếp vị trí trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính phải đảm bảo tính khoa học, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan theo chức năng nhiệm vụ. Hạn chế đến mức tối đa trong xáo trộn trong việc sắp xếp; ưu tiên vị trí trụ sở cơ quan đang làm việc hiện hữu, tính lịch sử về thời gian để đảm bảo hoạt động của cơ quan liên tục, ổn định trong làm việc cũng như mối quan hệ công tác giữa cơ quan với các ngành khác.

b) Công trình giáo dục, đào tạo:

- Giữ nguyên vị trí Trường trung học phổ thông Vĩnh Hưng; nâng cấp, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo trường đạt chuẩn theo quy định của ngành giáo dục.

- Giữ nguyên trường Mầm non, Trường tiểu học và Trường trung học cơ sở hiện có; nâng cấp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo trường đạt chuẩn theo quy định của ngành giáo dục.

Quy hoạch và đầu tư xây dựng Trường mầm non, Trường tiểu học và Trường Trung học cơ sở tại các đơn vị ở đảm bảo theo quy hoạch được duyệt và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

c) Các công trình hạ tầng xã hội khác:

** Đối với công trình công cộng văn hóa:*

- Quy hoạch và đầu tư xây dựng Quảng trường trung tâm huyện và gắn với khu hành hành chính, chính trị của huyện dọc trục đường Ba Mươi Tháng Tư;

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng cụm công trình thể dục, thể thao tại khu đô thị phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng (khu tổ hợp công trình văn hóa, thể dục thể thao) gồm: Trung tâm văn hóa, thông tin và truyền thông, sân vận động, sân thể thao cơ bản và Nhà văn hóa trung tâm bảo đảm bảo theo QCXDVN 01:2021/BXD và quy định của ngành văn hóa.

Giữ nguyên vị trí Nhà thiếu nhi huyện Vĩnh Hưng hiện có tại đường Tháp Mười; nâng cấp, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị để đảm bảo hoạt động của Nhà thiếu nhi.

Giữ nguyên hiện trạng các nhà văn hóa ấp, khu phố hiện có; nâng cấp, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết chế văn hóa, nhằm nâng cao hoạt động văn hóa của từng ấp, khu phố.

** Đối với công trình y tế:*

Giữ nguyên vị trí hiện trạng Trung tâm y tế huyện Vĩnh Hưng hiện có; nâng cấp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế để Trung tâm y tế huyện Vĩnh Hưng đạt chuẩn về y tế. Định hướng đến sau 2035, mở rộng thêm diện tích Trung tâm y tế huyện Vĩnh Hưng hiện có để đảm bảo chỉ tiêu phục vụ cho dân số toàn huyện đến năm 2050.

Quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình y tế cấp đơn vị ở theo nhu cầu thực tế của địa phương, đồng thời phải đảm bảo theo QCXDVN 01:2021/BXD và quy định ngành y tế.

** Đối với công trình công viên cây xanh, thể dục thể thao:*

Giữ nguyên hiện trạng các công trình thể dục, thể thao hiện có gồm: Nhà thiếu nhi; Nhà văn hóa trung tâm văn hóa huyện Vĩnh Hưng.

Duy trì, giữ nguyên hiện trạng công viên cây xanh cấp đô thị trên địa bàn đô thị thị trấn Vĩnh Hưng hiện có gồm: Công viên Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Viêt (công viên bờ Bắc kênh 28); Công viên 30 tháng 3. Quy hoạch, mời gọi đầu tư xây dựng khu liên hợp thể thao tại khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng; công viên trung tâm phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng và công viên Huỳnh Việt Thanh.

Quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình công viên cây xanh, thể dục thể thao cấp đô thị và đơn vị ở đảm bảo phục vụ theo nhu cầu thực tế của địa phương ở từng giai đoạn và đồng thời đảm bảo quy chuẩn QCXDVN 01:2021/BXD.

** Đối với công trình sử dụng hỗn hợp, công trình thương mại, dịch vụ:*

Giữ nguyên hiện trạng chợ Bàu Sây; khu Kiốt Tháp Mười A, các khu thương mại, dịch vụ hiện có trên địa bàn thị trấn Vĩnh Hưng.

Quy hoạch và mời gọi đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại Vĩnh Hưng tại khu phố Rạch Bù; khu thương mại - dịch vụ Vĩnh Hưng tại cầu Lò Gạch; Siêu thị Vĩnh Hưng (chợ bách hóa Vĩnh Hưng); khu thương mại hỗn hợp tại nút giao đường quốc lộ N1 và đường trục chính đô thị CĐT 01.

** Công trình tôn giáo, tín ngưỡng:*

Giữ nguyên hiện trạng các công trình tôn giáo, tín ngưỡng hiện có; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định pháp luật.

** Công trình quốc phòng, an ninh:*

Giữ nguyên hiện trạng các công trình quốc phòng, an ninh hiện có gồm: Công an huyện, Công an thị trấn Vĩnh Hưng, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đại đội bộ binh; Nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu.

Quy hoạch, xây dựng trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an huyện Vĩnh Hưng trong khuôn viên Công an huyện Vĩnh Hưng với quy mô đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định của ngành công an.

12. Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị:

Tổng thể không gian thị trấn Vĩnh Hưng được phân thành các vùng phát triển, cụ thể như sau:

a) Đơn vị ở số 1 (khu đô thị hiện hữu; khu trung tâm hành chính huyện), với quy mô diện tích 118,7 ha

- Tính chất:

+ Là khu vực trung tâm thị trấn Vĩnh Hưng. Các khu chức năng trong khu vực này bao gồm Trung tâm hành chính huyện, trung tâm văn hóa, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí, và các công trình công cộng phục vụ đô thị như giáo dục, y tế, công viên cây xanh cấp đô thị, quảng trường,...

+ Trục không gian chủ đạo là đường Nguyễn Văn Linh, đường 30/4 và đường Tháp Mười.

- Tổ chức không gian:

+ Là khu trung tâm của thị trấn Vĩnh Hưng; cải tạo, chỉnh trang khu đô thị hiện hữu, gắn với các công trình công cộng hiện có.

+ Ưu tiên bổ sung, hoàn thiện các chức năng công cộng đô thị phục vụ cho toàn huyện Vĩnh Hưng cũng như thị trấn Vĩnh Hưng. Các công trình công cộng thuộc đơn vị ở được đầu tư xây dựng đảm bảo khả năng tiếp cận và phục vụ nhu cầu sử dụng người dân.

- Về cảnh quan tự nhiên: Cảnh quan tự nhiên là hành lang kênh 28.

- Các công trình chính:

+ Công trình công cộng đô thị, giáo dục, nhóm nhà ở xây dựng mới và nhóm nhà ở hiện trạng cần cải tạo, chỉnh trang. Khu thương mại dịch vụ, cơ quan hành chính, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, ...

+ Công viên cây xanh, hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

b) Đơn vị ở số 2 (khu dân cư cải tạo, chỉnh trang; khu đô thị phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng), với quy mô diện tích 125,53 ha.

- Tính chất:

+ Là khu vực phát triển đô thị mới phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng với việc xây dựng mới các công trình thương mại, dịch vụ tổng hợp; văn hóa, thể dục, thể thao.

+ Định hướng trong tương lai hình thành các khu nhà ở tập trung gắn với các công trình công cộng đơn vị ở.

+ Trục không gian chủ đạo là đường Nguyễn Văn Linh, đường Nguyễn Thị Hồng và đường Quốc lộ N1

- Tổ chức không gian

+ Là định hướng phát triển thành khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng.

+ Đầu tư xây dựng các chức năng công cộng đô thị phục vụ cho toàn thị trấn Vĩnh Hưng. Các công trình công cộng thuộc đơn vị ở được đầu tư xây dựng đảm bảo khả năng tiếp cận và phục vụ nhu cầu sử dụng người dân.

+ Các khu chức năng trong khu vực này bao gồm các trung tâm thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí, và các công trình công cộng phục vụ đô thị như văn hóa, thể dục, thể thao, công viên cây xanh cấp đô thị.

- Về cảnh quan tự nhiên: Cảnh quan tự nhiên là hành lang kênh 28.

- Các công trình chính:

+ Công trình công cộng đô thị, nhóm nhà ở xây dựng mới và nhóm nhà ở hiện trạng cần cải tạo, chỉnh trang. Thương mại, dịch vụ, văn hóa, thể dục, thể thao, ...

+ Công viên cây xanh, hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

c) Đơn vị ở số 3 (khu đô thị mới cửa ngõ phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng), với quy mô diện tích 110,79 ha)

- Tính chất:

+ Là khu vực định hướng phát triển dài hạn về phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng; khu vực đô thị mới dọc đường Quốc Lộ N1. Đóng vai trò là không gian cửa ngõ phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng.

+ Trục không gian chủ đạo là đường Nguyễn Văn Linh và đường Quốc lộ N1.

- Tổ chức không gian

+ Định hướng phát triển thành khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng.

+ Các khu chức năng trong khu vực này bao gồm các trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí, và các công trình công cộng như văn hóa, thể dục thể thao, công viên cây xanh.

+ Đầu tư xây dựng các chức năng công cộng đô thị phục vụ cho toàn thị trấn Vĩnh Hưng. Các công trình công cộng thuộc đơn vị ở được đầu tư xây dựng đảm bảo khả năng tiếp cận và phục vụ nhu cầu sử dụng người dân.

- Về cảnh quan tự nhiên: Cảnh quan tự nhiên hành lang sông Lò Gạch; hành lang kênh 28.

- Các công trình chính:

+ Công trình công cộng cấp đô thị, thương mại dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao; khu nhà ở xây dựng mới, khu nhà ở chỉnh trang,...

+ Công viên cây xanh, hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

d) Đơn vị ở số 4 (Khu đô thị phía Đông thị trấn Vĩnh Hưng), quy mô diện tích 124,28 ha)

- Tính chất:

+ Là khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vĩnh Hưng; đóng vai trò là không gian cửa ngõ phía Đông thị trấn Vĩnh Hưng.

+ Trục không gian chủ đạo là đường Nguyễn Văn Linh và đường Quốc lộ N1.

- Tổ chức không gian:

+ Các khu chức năng trong khu vực này bao gồm các khu thương mại, khu vui chơi giải trí, và các công trình công cộng như giáo dục, y tế, công viên cây xanh.

+ Định hướng phát triển thành khu đô thị mới phía Đông thị trấn Vĩnh Hưng.

+ Đầu tư xây dựng các chức năng công cộng cấp đô thị phục vụ cho toàn thị trấn Vĩnh Hưng. Các công trình công cộng thuộc đơn vị ở được đầu tư xây dựng đảm bảo khả năng tiếp cận và phục vụ nhu cầu sử dụng người dân.

- Về cảnh quan tự nhiên: Cảnh quan tự nhiên hành lang kênh 28.

- Các công trình chính:

+ Công trình công cộng cấp đô thị, thương mại dịch vụ, y tế, văn hóa, thể dục thể thao; khu nhà ở xây dựng mới, khu nhà ở chỉnh trang,...

+ Công viên cây xanh, hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

e) Khu dự trữ phát triển:

Định hướng dài hạn phát triển 02 khu vực dự trữ phát triển đô thị, gồm:

- Khu vực dự trữ 1 với diện tích: 326,52 ha. Định hướng dài hạn sau năm 2035 phát triển thành khu đô thị mới phía Bắc thị trấn Vĩnh Hưng

- Khu vực dự trữ 2 với diện tích: 422,59 ha. Định hướng dài hạn sau năm 2035 phát triển thành khu đô thị mới phía Nam thị trấn Vĩnh Hưng; là cửa ngõ phía Nam thị trấn Vĩnh Hưng.

f) Khu sản xuất nông nghiệp

Giữ nguyên và ổn định vị trí quy hoạch khu đất sản xuất nông nghiệp hiện có từ trục đường CĐT 02 đến đường bờ Nam kênh Hưng Điền tại các ấp Bàu Nâu, xã Vĩnh Trị; ấp Bàu Nâu, xã Thái Trị và ấp Trung Vĩnh xã Thái Bình Trung với quy mô 763,74 ha.

13. Định hướng phát triển không gian đô thị

*** Hệ thống trục không gian đô thị:**

- Trục cảnh quan chính đô thị gồm: Trục đường Ba Mươi Tháng Tư; Đường Nguyễn Văn Linh và Quốc lộ N1.

- Trục cảnh quan thiên nhiên hiện có gồm hành lang và mặt nước kênh 28, sông Lò Gạch, tạo nên nét đặc trưng đô thị.

- Các trục đường chính đô thị mới góp phần tạo nên cảnh quan, sức hấp dẫn cho đô thị, thúc đẩy phát triển nhà ở dân cư, kinh tế xã hội.

*** Hệ thống không gian mở**

- Hành lang cây xanh mặt nước dọc kênh 28, sông Lò Gạch.

- Các công trình công viên cây xanh cấp đô thị, công viên cây xanh cấp đơn vị ở, quảng trường trung tâm, khu trung tâm văn hóa, thể dục thể thao, ...

*** Các điểm nhấn chủ đạo của khu đô thị**

- Khu vực nút giao Nguyễn Văn Linh với Đường Quốc lộ N1 tại xã Vĩnh Trị với các công trình chủ đạo là trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp cao tầng.

- Khu vực Đường Ba Mươi Tháng Tư; và đường Tháp Mười là khu vực trung tâm hành chính của khu vực, quảng trường đô thị, công viên trung tâm.

- Khu vực nút giao nút giao Nguyễn Thái Bình và Quốc Lộ N1 với các công trình chủ đạo là trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp cao tầng.

14. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị đất xây dựng, cao độ nền

- Cao độ san nền đối với khu vực có đê bao chống lũ triệt để cao độ thiết kế +3,2 m đến +3,5m (đối với khu đê bao hiện hữu).

- Cao độ đối với khu vực có đê bao chống lũ triệt để (khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng) cao độ thiết kế +3,2m.

- Khu vực không có đê bao chống lũ triệt để, cao độ san nền $\geq +3,8m$, và đồng thời phải tính toán đảm bảo kết nối đồng bộ giữa khu hiện hữu với khu xây dựng mới.

b) Định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông

*** Giao thông bộ**

- Đường chính đô thị

+ Đường Quốc lộ N1 (đoạn tránh qua thị trấn Vĩnh Hưng): Lộ giới 37,0m.

+ Đường Nguyễn Văn Linh:

* Đoạn từ ranh xã Vĩnh Bình đến kênh Rọc Bui: Lộ giới 29,7m.

* Đoạn từ kênh Rọc Bui đến đường Tuyên Bình: Lộ giới 26,1m.

* Đoạn từ đường Tuyên Bình đến đường Bình Thành Thôn A: Lộ giới 24,55m.

* Đoạn từ đường Bình Thành Thôn A đến đường 30 tháng 4: Lộ giới 22,75m.

* Đoạn từ Ba Mươi Tháng Tư đến đường Nguyễn Thị Hạnh: Lộ giới 25,1m.

* Đoạn từ đường Nguyễn Thị Hạnh đến cầu Lò Gạch: Lộ giới 25,0m.

+ Đường tỉnh ĐT 831 (đoạn từ cầu kênh 28 đến ranh xã Vĩnh Thuận): Lộ giới 26,5m.

+ Đường Ba Mươi Tháng Tư: Lộ giới là 32,0m.

+ Đường Tháp Mười, đường Nguyễn Thị Hồng: Lộ giới 26,0m.

+ Đường CĐT 01, Đường CĐT 02, Đường CĐT 03, Đường CĐT 04: Lộ giới 30,0m.

- Đường liên khu vực:

+ Đường 3 tháng 2, đường Long Khốt, đường Nguyễn Thái Bình, đường Cách Mạng Tháng Tám: Lộ giới 20,0m.

+ Đường Võ Văn Tần:

* Đoạn từ đường Huỳnh Việt Thanh đến đường Tháp Mười: Lộ giới 20,0m.

* Đoạn từ đường Tháp Mười đến đường Cách mạng tháng 8: Lộ giới 19,0m.

+ Đường Nhật Tảo:

* Đoạn từ đường Huỳnh Việt Thanh đến đường Cách Mạng Tháng Tám: Lộ giới 20,0m.

* Đoạn từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến đường Nguyễn Văn Linh: Lộ giới 18,5m.

+ Đường Tuyên Bình:

* Đoạn từ đường Huỳnh Việt Thanh (đê bao tuyến số 3) đến đường Tháp Mười: Lộ giới 60,0m.

* Đoạn từ đường Tháp Mười đến đường Cách Mạng tháng Tám: Lộ giới 33,0m.

* Đoạn từ đường Cách Mạng tháng Tám đến đường Nguyễn Văn Linh: Lộ giới 23,0m.

+ Đường Nguyễn Thị Hạnh (đê bao tuyến số 2): Lộ giới 60,0m.

+ Đường Huỳnh Việt Thanh:

* Đoạn từ ranh xã Vĩnh Bình đến đê bao Tuyên Bình (đê bao tuyến số 4): Lộ giới 20m.

* Đoạn từ đê bao Tuyên Bình (đê bao tuyến số 4) đến đường bờ Đông sông Lò Gạch: Lộ giới 60,0m.

+ Đường Vĩnh Hưng - Thái Trị: Lộ giới 20,0m.

+ Đường Gò Bà Sáu: Lộ giới 30,0m.

+ Đường Võ Văn Kiệt: Lộ giới 13,75m

+ Đường LKV 01, đường LKV 02, đường LKV 03: Lộ giới 22,0m.

+ Đường bờ Đông sông Lò Gạch

* Đoạn từ đường bờ Nam kênh Hưng Điền đến đường Huỳnh Việt Thanh và đoạn từ kênh 28 đến ranh xã Vĩnh Thuận: Lộ giới 26,0m.

* Đoạn từ đường Huỳnh Việt Thanh đến đường Nguyễn Văn Linh (nối dài): lộ giới 32,6m.

+ Đường bờ Nam kênh Hưng Điền: Lộ giới: 21,5m.

- Đường cấp khu vực:

+ Đường KV 01, đường KV 02, đường KV 03, đường KV 04: Lộ giới 22,0m.

- + Đường KV 05, đường KV 06: Lộ giới 20,0m.
- + Đường bờ Tây kênh Măng Đa - Cả Môn: Lộ giới 25,0m.
- + Đường bờ Đông kênh Rạch Bui, đường bờ Tây kênh Rạch Bui: Lộ giới 21,5m.

+ Các trục đường còn lại theo hiện trạng quy hoạch.

*** Giao thông thủy:**

- + Tuyến đường thủy kênh 28, quy hoạch cấp IV.
- + Tuyến đường thủy sông Lò Gạch – Bàu Nâu, quy hoạch cấp IV.

c) Định hướng quy hoạch thủy lợi:

Nạo vét cải tạo kênh trục, kênh cấp I, cấp II, cấp III đến nội đồng; xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ kênh tại những khu vực sạt lở diễn biến phức tạp, uy hiếp nghiêm trọng cơ sở hạ tầng quan trọng. Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đê bao chống lũ hiện có và mở rộng đê bao chống lũ triệt để thị trấn Vĩnh Hưng đạt loại đê cấp III tại khu đô thị phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng.

d) Định hướng quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước: 5.040 m³/ngày
- Đến năm 2030: Nâng cấp, cải tạo nhà máy nước Vĩnh Hưng các trạm cấp nước hiện hữu. Xây dựng mới trạm cấp nước khu dân cư phía Đông thị trấn Vĩnh Hưng; nâng cấp, cải tạo các trạm cấp nước hiện hữu khu vực lân cận có khả năng hòa mạng vào hệ thống tuyến ống chung của đô thị thị trấn Vĩnh Hưng.

- Đến sau năm 2030: Quy hoạch, xây dựng trạm phân phối nước tập trung tại khu đô thị phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng; nguồn cấp nước từ nguồn nước mặt từ hồ chứa nước ngọt Bàu Biển.

- Cấp nước chữa cháy đô thị: Tuân thủ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013; các quy định pháp luật có liên quan về PCCC và các tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan về an toàn PCCC hiện hành. Tận dụng hồ nước trong công viên 30 tháng 3 làm hồ dự trữ nước chữa cháy chung của toàn thị trấn Vĩnh Hưng.

đ) Định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:

*** Thoát nước thải**

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, hệ thống thoát nước thải riêng đối với khu dân cư phát triển mới. Đối với khu dân cư hiện hữu hệ thống cống thoát nước thải và nước mưa, từng bước xây dựng tách hệ thống cống để đảm bảo thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt triệt để.

- Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý nước thải tập trung hiện có; đổi mới về công nghệ xử lý và nâng công suất trạm để xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn khi xả thải ra môi trường. Đối với khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải sinh hoạt toàn bộ khu đô thị.

*** Chất thải rắn**

Xây dựng bãi rác tập trung của huyện với diện tích khoảng 30ha, tại xã Thái Bình Trung.

Khuyến khích người dân phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn. Rác thải vô cơ để thu hồi tái chế, rác thải hữu cơ thu gom và vận chuyển đến khu xử lý tập trung hoặc ủ làm phân hữu cơ (đối với khu vực chưa tổ chức thu gom được).

Đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật được thu gom và vận chuyển về nhà máy xử lý chất thải độc hại tập trung của tỉnh để xử lý đúng quy định về môi trường.

*** Nghĩa trang**

Giữ nguyên khu nghĩa trang hiện hữu nằm ấp Bàu Nâu xã Thái Trị. Quy hoạch khu nghĩa trang Vĩnh Hưng với diện tích 30,0 ha cặp Kênh Hưng Điền. Mời gọi nhà đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Nghĩa trang nhân dân huyện Vĩnh Hưng. Xây dựng nhà hỏa táng trong khu quy hoạch nghĩa trang nhân dân huyện Vĩnh Hưng

Mở rộng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang liệt sỹ liên huyện Vĩnh Hưng - Tân Hưng với quy mô 4,0 ha, nhằm quy tập hài cốt liệt sỹ tham gia chiến trường biên giới Tây Nam từ Campuchia.

Quy hoạch xây dựng, mời gọi đầu tư xây dựng nhà tang lễ thị trấn Vĩnh Hưng.

e) Định hướng quy hoạch cấp điện

Tổng nhu cầu dùng điện đến năm 2035 khoảng 23.761 KVA.

Nguồn cấp điện từ trạm Trạm biến áp 110KV Vĩnh Hưng (01 x 40 MVA).

Lưới cao thế: Xây mới đường dây 110kV Hồng Ngự - Vĩnh Hưng, số mạch 2, tiết diện 2ACSR240 và đường dây 110kV Kiến Tường - Vĩnh Hưng, số mạch 1, tiết diện ACSR240

Lưới điện trung thế: Điện áp chuẩn 22kV, 3 pha. Giữ nguyên các tuyến trung thế 22kV hiện hữu, cải tạo nâng khả năng truyền tải điện; dịch chuyển theo việc mở rộng lòng lề đường. Đối với khu vực trung tâm đô thị, khu du lịch, khu đô thị mới sử dụng cáp ngầm hoặc cáp nổi tiết diện tối thiểu 70mm². Đối khu vực ngoại thị sử dụng cáp nổi, đi trên cột bê tông ly tâm, tiết diện trục chính tối thiểu 70mm².

- Lưới điện hạ thế: Lưới điện hạ thế đi ngầm hoặc đi nổi trên cột bê tông ly tâm.

- Lưới điện chiếu sáng: Trong các khu vực chỉnh trang có thể kết hợp trụ điện chiếu sáng với trụ điện hạ thế, nhằm chỉnh trang, gom gọn; đối với các khu vực xây dựng mới, khu vực không gian mở (công viên, quảng trường) hệ thống lưới điện chiếu sáng đi ngầm, trụ đèn chiếu sáng sử dụng trụ STK cao $\geq 8,0m$.

f) Định hướng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông đồng bộ, công nghệ hiện đại theo định hướng chia sẻ dùng chung; tích hợp quy hoạch hạ tầng viễn thông có tính kế thừa hợp lý; hạ tầng thông tin và truyền thông được quy hoạch và đầu tư phát triển, gắn kết chặt chẽ với các hạ tầng kinh tế - xã hội vật lý và tạo ra các thực thể số tương ứng trên không gian số.

Từng bước gom gọn, đi ngầm hệ thống cáp quang tại các khu dân cư hiện hữu; đối với các khu đô thị mới lắp đặt tuyến cáp quang ngầm (có thể dùng phương thức truyền dẫn bằng Viba); khuyến khích sử dụng cáp thông tin tích hợp nhiều dịch vụ như điện thoại, internet, truyền hình cáp,

Hệ thống cột ăng - ten: Chỉ lắp đặt các trạm BTS loại A1a, A1b, A2a. Các tuyến đường chính đô thị chỉ lắp đặt cột ăng ten không công kênh (A1a, A1b) tính từ mốc lộ giới vào đến 50 mét.

Nguồn cung cấp hạ tầng viễn thông: Lấy nguồn từ trung tâm viễn thông huyện Vĩnh Hưng hiện hữu gồm: Trung tâm viễn thông VNPT và Viettel.

15. Giải pháp bảo vệ môi trường

Để xây dựng theo quy hoạch được duyệt đảm bảo phát triển đô thị bền vững, cần có các giải pháp bảo vệ và giảm thiểu ô nhiễm môi trường sau:

- Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn đô thị; duy trì hệ thống cây xanh cảnh quan; khôi phục hệ thống mặt nước, hồ điều hòa. Thực hiện tốt các quy hoạch về không gian cây xanh mặt nước.

- Hoàn thiện và xây dựng hệ thống quản lý chất thải rắn của đô thị từ khâu thu gom, vận chuyển đến khâu xử lý đảm bảo quy định.

- Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý nước thải tập trung hiện có; đổi mới về công nghệ xử lý và nâng công suất trạm để xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn khi xả thải ra môi trường. Đối với khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vĩnh Hưng xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải sinh hoạt toàn bộ khu đô thị.

- Đối với mỗi dự án xây dựng cụ thể trên địa bàn, cần thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

16. Các chương trình, dự án ưu tiên thực hiện

Chương trình/dự án	Các chương trình/ dự án ưu tiên đầu tư
Phát triển đô thị	Lập Đề án nâng cấp các đô thị thị trấn Vĩnh Hưng lên đô thị loại IV.
	Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Vĩnh Hưng
	Lập các quy hoạch quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
	Sắp xếp trụ sở các cơ quan hành chính, chính trị cấp huyện
Công trình giao thông	Đầu tư xây dựng các trục đường ĐT.831B, ĐT.831, Quốc lộ N1
	Đầu tư các trục đường cấp đô thị, cấp khu vực theo khung quy hoạch đô thị.

Chương trình/dự án	Các chương trình/ dự án ưu tiên đầu tư
Công trình thủy lợi	Xây dựng đê bao khu thị mới Vĩnh Hưng với quy mô đê bao cấp III
	Xây dựng trạm bơm thoát nước tập trung khu đô thị mới Vĩnh Hưng (khu đô thị phía Tây, thị trấn Vĩnh Hưng)
Công trình hạ tầng kỹ thuật	Nâng cấp trạm xử lý nước thải tập trung khu dân cư hiện hữu.
	Xây dựng mới trạm xử lý nước thải tập trung khu đô thị mới Vĩnh Hưng (khu đô thị phía Tây, thị trấn Vĩnh Hưng).
	Xây dựng trạm phân phối nước sạch phục vụ đô thị với quy mô 10.000m ³ /ngày.đêm.
Phát triển thương mại	Xây dựng Trung tâm thương mại Vĩnh Hưng
	Xây dựng khu thương mại, dịch vụ Vĩnh Hưng
	Xây dựng siêu thị Vĩnh Hưng (chợ Bách Hóa Vĩnh Hưng).
Phát triển nhà ở	Nhà ở thương mại phía Đông giai đoạn 2, 3
	Khu nhà ở thương mại khu đô thị mới Vĩnh Hưng
	Nhà ở xã hội thuộc khu đô thị mới Vĩnh Hưng
Công trình Văn hóa, thể dục thể thao, công viên	Xây dựng quản trường trung tâm huyện
	Nâng cấp công viên 30/3
	Xây dựng khu trung tâm TDTT, văn hóa trung tâm huyện
Công trình giáo dục	Nâng cấp, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các Trường hiện có đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình.
Công trình y tế	Nâng cấp. Sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị Trung tâm y tế đạt chuẩn quốc gia
Bảo vệ môi trường	Tăng cường các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu
	Tăng cường kiểm soát, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại
	Kiểm soát môi trường hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, nuôi thủy sản

Với nội dung trên, UBND huyện kính trình HĐND huyện Vĩnh Hưng tại kỳ họp thứ 14 xem xét thông qua và ban hành Nghị quyết làm cơ sở để UBND huyện Vĩnh Hưng triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TT. HU;
- TT. UBMTTQ và các đoàn thể huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Phòng KTVà HT;
- Chánh, PCVP;
- Lưu: VT, KTHT, An./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Cường